

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2022

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lâm Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Trường

Bà Lê Thị Thúy Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên Tòa:
Ông Lý Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 và ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 169/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu X; sinh năm: 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Dương Hồng H; sinh năm: 1977 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu X trình bày:

Vào năm 2008, bà Nguyễn Thị Thu X kết hôn với ông Dương Hồng H và được Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện N, tỉnh Sóc Trăng nay là Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/3/2008. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, bà X và ông H có với nhau hai con chung là Dương Thị Hồng N; sinh ngày 12/12/1999 và Dương Gia L; sinh ngày 23/3/2001. Về sau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà Nguyễn Thị Thu X đã không còn tình cảm với ông Dương Hồng H, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Nay, bà Nguyễn Thị Thu X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Dương Hồng H.

Về con chung: Các con chung là Dương Thị Hồng N và Dương Gia L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/8/2022 bị đơn ông Dương Hồng H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thu X về quan hệ hôn nhân, con chung. Về tài sản chung, nợ chung ông và bà X tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét, giải quyết. Trong cuộc sống hàng ngày giữa ông và bà X không có mâu thuẫn gì lớn nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông thì ông không đồng ý.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn ông Dương Hồng H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Hải theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị Thu X được ly hôn với ông Dương Hồng H; không xem xét, giải quyết con chung do các con đã trưởng

thành, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu; không xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn do không có yêu cầu; bà Xương phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Dương Hồng H. Yêu cầu của bà X được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình). Đồng thời, bị đơn ông Dương Hồng H có địa chỉ cư trú tại ấp a, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Dương Hồng H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Dương Hồng H.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản chứng thực Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thu X về việc kết hôn với ông Dương Hồng H được Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện N, tỉnh Sóc Trăng nay là Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/3/2008 là sự thật. Vì vậy, giữa bà X và ông H đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Đồng thời, phiên tòa, bà X giữ nguyên ý kiến, kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H. Như vậy, bà X và ông H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó,

cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho bà X được ly hôn với ông H.

Về con chung: Các con chung là Dương Thị Hồng N; sinh ngày 12/12/1999 và Dương Gia L; sinh ngày 23/3/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà X phải chịu là 300.000 đồng theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thu X được ly hôn với ông Dương Hồng H.

2. Về con chung: Các con chung là Dương Thị Hồng N; sinh ngày 12/12/1999 và Dương Gia L; sinh ngày 23/3/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu X phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002638 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, bà X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND Q, TX C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Minh Tuấn